

Bản án số: 85/2025/DS-PT
Ngày 20-02-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;
Bà Trần Thị Thắm.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tường - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 544/2024/TLPT-DS ngày 06/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 04-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2025/QĐ-PT ngày 21/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 17/02/2025); có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1998; nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ nơi ở hiện nay: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Tuấn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 06/6/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (gọi tắt là bà T) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết nên ngày 12/9/2022, bà T có cho ông Nguyễn Tuấn C (gọi tắt là ông C) vay số tiền là 500.000.000 đồng để làm vốn làm ăn. Bà T cho ông C vay bằng hình thức chuyển khoản, không có làm giấy tờ. Hai bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả. Sau đó, ông C có trả cho bà T được số tiền 120.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại 380.000.000 đồng ông C chưa thanh toán. Sau nhiều lần yêu cầu ông C trả tiền, nhưng không được nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: buộc ông C phải thanh toán cho bà T số tiền 380.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên toa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà T và xác định chỉ yêu cầu một mình ông C thanh toán cho bà T số tiền 380.000.000 đồng.

** Tại Bản tự khai ngày 29/8/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông C trình bày:*

Ông C với bà T có mối quan hệ quen biết. Từ trước đến nay, ông C với bà T chỉ có trao đổi qua lại với nhau về vấn đề tài khoản ngân hàng, đổi tiền mới, ngoài ra không có bất kỳ giao dịch làm ăn mua bán hay vay mượn gì. Vào lúc 08 giờ 40 phút 43 giây ngày 12/9/2022, bà T có chuyển khoản vào tài khoản của ông C tại Ngân hàng B số tiền 500.000.000 đồng. Đây là số tiền mẹ ông C là bà Nguyễn Thị Thu H vay mượn của bà T. Do ông C làm nhân viên Ngân hàng nên bà H yêu cầu bà T chuyển khoản vào tài khoản của ông C để tiện việc rút tiền mặt nhanh chóng; chiều cùng ngày, ông C đã rút số tiền 500.000.000 đồng về đưa lại cho bà H. Bà H xác nhận đã nhận đủ số tiền mặt 500.000.000 đồng từ ông C. Theo ông C được biết, bà H và bà T có mối quan hệ làm ăn lâu năm, cụ thể là chơi hụi và vay mượn tiền có lãi suất.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền 380.000.000 đồng, ông C không đồng ý vì ông C không có vay tiền của bà T. Ông C chỉ làm người trung gian nhận số tiền trên.

** Tại phiên tòa, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thu H (gọi tắt là bà H) trình bày:*

Bà H là mẹ ruột của ông C. Bà H với bà T có mối quan hệ quen biết và làm ăn lâu năm, hai bên thường chơi hụi và vay tài sản. Các lần giao dịch hụi, vay mượn tiền giữa bà H với bà T có khi là giao tiền mặt, có khi là chuyển khoản vào tài khoản của bà H. Ngày 12/9/2022, bà H có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng; tuy nhiên, hai bên thống nhất là bà T chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của ông Nguyễn Tuấn C (con bà H). Sau khi ông C nhận được số tiền trên đã rút tiền và giao đủ cho bà H. Bà H là người trực tiếp trả cho bà T số tiền 120.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 04-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Tuấn C.

Buộc ông Nguyễn Tuấn C có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 380.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông C không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông C còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Tuấn C phải chịu 19.000.000 đồng.

H1 lại cho bà Nguyễn Thị T 9.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000203 ngày 20/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự và việc thi hành bản án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 17/9/2024, bị đơn ông Nguyễn Tuấn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng: ông C không liên quan gì đến số tiền 500.000.000 đồng, đây là khoản tiền bà T cho bà H vay, ông C chỉ là người trung gian nhận tiền để giao lại cho bà H nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Hai bên đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Tuấn C phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 380.000.000 đồng là có căn cứ, ông C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về kiến nghị khắc phục thiếu sót: không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tuấn C (gọi tắt là ông C) được thực hiện trong thời hạn luật định và người kháng cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

[3] Xét nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo của ông C, nhận thấy: theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (gọi tắt là bà T) yêu cầu cá nhân ông C phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 380.000.000 đồng còn lại của số tiền 500.000.000 đồng mà bà T đã chuyển đến số tài khoản 65210001652974 của ông Nguyễn Tuấn C tại Ngân hàng B vào lúc 08 giờ 40 phút 43 giây ngày 12/9/2022 với nội dung Nguyễn Thị T chuyển tiền và không yêu cầu ông C phải trả lãi; chứng cứ mà bà T cung cấp để chứng minh là ảnh chụp giao dịch thành công (bút lục 04). Ông C thừa nhận số tài khoản 65210001652974 là của ông C và thừa nhận ông C đã nhận số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 từ bà T; tuy nhiên, ông C cho rằng đây là số tiền mà bà T cho bà Nguyễn Thị Thu H (mẹ ông C) vay, ông C chỉ là người trung gian nhận số tiền 500.000.000 đồng để giao lại cho bà H; số tiền 120.000.000 đồng trả cho bà T cũng do bà H là người trực tiếp trả; chứng cứ mà ông C xuất trình để chứng minh là ảnh chụp tin nhắn trao đổi giữa tài khoản “Thu N” với ông C (bút lục 110-122), ảnh chụp tin nhắn trao đổi giữa tài khoản zalo “Thu N” với bà H (bút lục 49-84), sao kê tài khoản số 0841000115530 của bà Nguyễn Thị Thu H tại Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh B1 - Phòng G (V) và ảnh chụp chuyển tiền thành công (bút lục 92-107).

[4] Xét các tài liệu, chứng cứ do ông C cung cấp, nhận thấy: theo sao kê tài khoản số 0841000115530 của bà Nguyễn Thị Thu H tại Ngân hàng TMCP N1 Chi nhánh B1 - Phòng G và các ảnh chụp chuyển tiền thành công thì ngoài việc chuyển vào tài khoản của ông C số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 (bút lục 97), thì giữa bà Nguyễn Thị T với bà Nguyễn Thị Thu H (mẹ ông C) có giao dịch chuyển khoản tiền cụ thể như sau: ngày 06/8/2022, bà H chuyển cho bà T 100.000.000 đồng; ngày 29/8/2022, bà T chuyển cho bà H 380.000.000 đồng; ngày 03/9/2022, bà H chuyển cho bà T 400.000.000 đồng; ngày 22/6/2023, bà H chuyển cho bà T 30.000.000 đồng; ngày 13/10/2023, bà H chuyển cho bà T 31.000.000 đồng; ngày 13/11/2023, bà H chuyển cho bà T 88.500.000 đồng. Ngoài ra, ngày 12/6/2024 bà H có chuyển khoản cho bà T số tiền 10.000.000 đồng và ngày 13/7/2024 “*chuyển tiền trả tiền*” cho bà T 10.000.000 đồng (bút lục 92-96, 98-100) nhưng vẫn không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Bên cạnh đó, các tin nhắn zalo còn thể hiện: giữa bà T với bà H có quan hệ vay mượn tiền và chơi hụi với nhau nên lời trình bày của ông C và bà H tại phiên tòa sơ thẩm là có cơ sở. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ mối quan hệ vay mượn tiền giữa bà H với bà T và việc bà H trả cho bà T số tiền 120.000.000 đồng trong tổng số tiền 500.000.000 đồng (nếu có) mà xác định bà H tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là thiếu sót. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào ảnh chụp giao dịch thành công do bà T cung cấp để xác định bà T đã chuyển khoản cho ông C số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022, ông C đã trả được số tiền 120.000.000 đồng để buộc ông C phải tiếp tục trả cho bà T số tiền 380.000.000 đồng còn lại là không có căn cứ vững chắc, chưa làm rõ trách nhiệm của bà H, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

[5] Theo như phân tích tại mục [4] xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự; xác minh, thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến quyết định của bản án là thiếu căn, làm

ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tuấn C, hủy Bản án số 153/2024/DS-ST ngày 04-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng để giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là chưa phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại nên bị đơn ông C không phải chịu theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tuấn C.
2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2024/DS-ST ngày 04-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: sẽ được Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.
4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tuấn C không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng hoàn trả lại cho ông Nguyễn Tuấn C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000430 ngày 17/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.
5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, Tòa DS, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Cường